TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **60**/2019/DSST Ngày: 25/10/2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Đức Lâm.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXX-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Trần Huy B**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn T, huyện H, tỉnh B - Có mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Văn Hữu V,** sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:*

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 (vợ anh V); Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1981 (vợ anh B); Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn T, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2019 kèm theo giấy tờ, các tài liệu L quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (anh Trần Huy B) trình bày như sau:

Do mối quan hệ quen biết với anh Văn Hữu V và vợ là chị Nguyễn Thị M ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên ngày 27/4/2018 vợ chồng anh có cho vợ chồng anh V, chị M vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Khi cho vay anh V có viết giấy nhận nợ, anh V nói vay số tiền này để sử dụng vào công việc làm ăn của gia đình và hẹn thời hạn trả nợ là sau 15 ngày, lãi suất theo thỏa thuận. Quá hạn anh V, chị M không trả số tiền đã vay, vợ chồng anh có đến nhà đòi nhiều lần nhưng anh V, chị M đều khất chưa có tiền, hẹn rất nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả cho vợ chồng anh được số tiền gốc và lãi đã vay. Anh xác định hiện nay anh V, chị M vẫn còn nợ của anh 70 triệu đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày vay đến nay. Nay anh khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc vợ chồng anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi suất của khoản vay từ ngày vay đến nay theo quy định pháp luật.

Bị đơn (anh Văn Hữu V): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của anh V trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị M) trình bày: Chị là vợ của anh Văn Hữu V, hiện nay anh V đi làm ăn không có nhà nhưng chị cũng đã thông báo cho anh V biết việc anh B có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 70 triệu đã vay và hiện nay Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đang giải quyết vụ án dân sự này. Tuy nhiên do hiện nay anh V phải đi làm ăn không về được, chị bận con nhỏ nên cũng không có thời gian đến Tòa án làm việc được. Chị xác định vợ chồng chị và vợ chồng anh B, chị L là chỗ quan hệ bạn bè. Việc anh V vay số tiền 70 triệu của anh B thì chị không biết, chỉ đến khi anh B đến yêu cầu trả tiền thì chị mới biết anh V vay tiền của anh B. Sau này anh V nói chuyện thì chị mới biết anh V vay 70 triệu đồng của anh B để cho người khác vay hộ, nhưng do người này chưa có tiền trả nên vợ chồng chị mới chưa có tiền trả cho anh B. Chị M xác nhận chữ ký "V, Văn Hữu V" ở phần "NGƯỜI VAY (NHẬN NỢ) trong giấy vay nợ do anh B cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện là chữ ký và chữ viết của anh V- chồng chị. Nay chị xác định vợ chồng chị còn nợ của anh B số tiền gốc vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Vợ chồng chị đồng ý trả cho anh B số tiền gốc vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng chị xin được trả dần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Lê Thị L) trình bày: Nhất trí với ý kiến của anh B.

Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là anh V và chị M không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều: 463, 466, 468, 470; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Huy B.

Buộc anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả anh Trần Huy B và chị Lê Thị L số tiền vay nợ gốc là **70.000.000đ** (Bẩy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M phải L đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Trần Huy B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Trần Huy B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (Một triệu bẩy trăm lăm mươi nghìn đồng) theo B lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000940 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ ánđ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019 của anh Trần Huy B đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M (là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Đối với anh Văn Hữu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của anh V trong hồ sơ vụ án. Do đó, hậu quả của việc anh V không đưa ra ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh V phải tự chịu trách nhiệm.

[2]. *Về nội dung tranh chấp:*

Anh Trần Huy B và anh Văn Hữu V tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày: 27/4/2018, xác nhận là hợp đồng hợp pháp đ- ợc pháp luật bảo vệ.

[2].1. Xét yêu cầu của anh B yêu cầu anh V và chị M phải trả cho anh B, chị L số tiền vay gốc là 70.000.000đ, thấy rằng: Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa anh B, chị L xác định sau khi hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản, anh B đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho anh V tổng số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng). Sau đó anh V đã không thanh toán trả được cho anh B, chị L được số tiền gốc và

lãi nào theo thỏa thuận, anh B, chị L đã đòi nhiều lần nhưng anh V, chị M vẫn không thanh toán trả tiền vay nợ cho anh B và chị L. Phía anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên xác định đã biết rõ việc anh B có đơn khởi kiện yêu cầu đòi số tiền 70 triệu mà anh V đã vay của anh B, tuy nhiên anh V không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản, ý kiến hay giao nộp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chị M xác định anh V và chị M có nợ của anh B số tiền gốc là 70 triệu đồng và đồng ý trả số tiền gốc 70 triệu đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định anh V có vay của anh B số tiền 70 triệu đồng vào ngày 27/4/2018 và chưa thanh toán trả được cho anh B, chị L số tiền gốc và lãi nào. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh B yêu cầu anh Văn Hữu V phải trả 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng) tiền vay gốc còn nợ có cơ sở để chấp nhận. Cần buộc anh V phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh B, chị L số tiền gốc còn nợ là **70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng).**

[2].2. Xét yêu cầu của anh B yêu cầu anh V phải thanh toán trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh B, chị L xác định kể từ ngày anh V vay số tiền 70 triệu đồng là ngày 27/4/2018 thì anh V, chị M vẫn chưa thanh toán cho anh B được số tiền lãi nào mặc dù hai bên có thỏa thuận về việc thanh toán lãi. Phía anh V không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh B, chị M xác nhận có nợ của anh B, chị L số tiền gốc là 70 triệu và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật nên có căn cứ để xác định từ khi anh V vay số tiền 70 triệu đồng đến nay anh V chưa thanh toán lãi cho anh B theo thỏa thuận giữa hai bên**.** Do đó, kể từ ngày 27/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/10/2019) anh V phải có trách nhiệm trả lãi trên số nợ gốc **70.000.000đ**. Do việc thỏa thuận lãi trong hợp đồng không cụ thể về lãi suất nên cần xác định lãi suất trong hạn và quá hạn của hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Vì vậy, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

+ Từ 27/4/2018 đến ngày 25/10/2019 là 17 tháng 28 ngày, số tiền lãi là: {(**70.000.000đ** x 10% x 17 tháng : 12 tháng= 9.916.700đ) + (**70.000.000đ** x 10% : 12 x 28 ngày : 30 = 544.400đ)}= 10.461.100đ (Mười triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm đồng).

Vì vậy, yêu cầu của anh Trần Huy B yêu cầu anh Văn Hữu V phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật được chấp nhận.

[2].3. Xét việc anh Trần Huy B yêu cầu anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M phải thanh toán trả tiền gốc còn nợ và lãi suất theo quy định pháp luật thấy rằng: Qua các chứng cứ cũng như các tài liệu do đ- ơng sự xuất trình, bản tự khai và lời trình bày tại Toà án đã xác định được ngày 27/4/2018 anh V có ký nhận vay của anh B số tiền là 70.000.000đ ghi rõ mục đích vay là để sử dụng vào công việc làm ăn của gia đình. Chị M cũng đồng ý trả cho anh B, chị L số tiền anh V đã vay nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn xin được trả dần. Mặt khác, quan hệ giữa anh V và chị M là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì anh V, chị M phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho anh B, chị L của hợp đồng vay tài sản nêu

trên là phù hợp**.** Do đó yêu cầu của anh B yêu cầu anh V và chị M phải thanh toán trả tiền gốc còn nợ và lãi suất theo quy định pháp luật được chấp nhận.

[3]. *Về án phí:* Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 463, 466, 468, 470; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Huy B.

Buộc anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả anh Trần Huy B và chị Lê Thị L số tiền vay nợ gốc là 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng) và nợ lãi là 10.461.100đ (Mười triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm đồng); tổng cả gốc và lãi là **80.461.100đ (Tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm đồng).**

Về án phí: Anh Văn Hữu V và chị Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 4.023.000đ (Bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Trần Huy B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Trần Huy B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (Một triệu bẩy trăm lăm mươi nghìn đồng) theo B lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000940 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đ- ơng sự có mặt biết đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *L- u.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn